



AASCN

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TIẾN THÀNH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

*cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
đã được soát xét*

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT
NAM VIET AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES CO.,LTD. (AASCN)

Trụ sở chính: Số 29, Hoàng Sa, Quận 1, TP Hồ Chí Minh. Tel: (84-8) 3910 3908 - 3910 4881 / Fax: (84-8) 3910 4880
CN Hà Nội: Số 15, ngõ 640, Đường Láng, Quận Đống Đa, TP Hà Nội. Tel: (84-4) 3793 1428 / Fax: (84-4) 3793 1429

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 3
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	5 – 28
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	9 – 10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	11 – 28



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Tiến Thành (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Tiến Thành được chuyển đổi từ Công ty TNHH (02TV) Tiến Thành từ ngày 04 tháng 11 năm 2003. Mã số doanh nghiệp của Công ty là 0100596523. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 21.

Vốn điều lệ hiện nay của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 100.000.000.000 đồng.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 bao gồm:

- Sản xuất và gia công hàng mã;
- Kinh doanh các sản phẩm của ngành thời trang, vật liệu xây dựng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Khu đô thị Việt Hưng, Phường Đức Giang, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 05 đến trang 28).

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THỨC KỲ KẾ TOÁN

Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2016 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Nguyễn Hữu Trường	Chủ tịch	Bỏ nhiệm ngày 29/3/2016
Ông Nguyễn Đăng Khoa	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 29/3/2016
Nguyễn Thành Lê	Ủy viên	Bỏ nhiệm ngày 29/3/2016
Nguyễn Tuấn Anh	Ủy viên	Bỏ nhiệm ngày 29/3/2016
Nguyễn Anh Tuấn	Ủy viên	Bỏ nhiệm ngày 29/3/2016
Nguyễn Thị Kim Phượng	Ủy viên	Bỏ nhiệm ngày 29/3/2016
Bà Đào Vũ Thịnh Vân	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 29/3/2016
Bà Nguyễn Thị Thúy	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 29/3/2016

52
CI
:ON
ICH
ICI
VA
N
NH

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TIỀN THÀNH

Khu đô thị Việt Hưng, Phường Đức Giang, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo của Tổng Giám đốc (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Tuấn Anh	Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Kim Phượng	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 29/3/2016
Bà Phí Thị Thu Hiền	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 29/3/2016

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định hiện hành có liên quan;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 14 tháng 7 năm 2016

TM Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Nguyễn Tuấn Anh

Số : 265./2016/BCSX-AASCN

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

về Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
của Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Tiến Thành

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TIẾN THÀNH**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Tiến Thành được lập ngày 14 tháng 7 năm 2016 từ trang 05 đến trang 28 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Tiến Thành, chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt

Giám đốc



Bùi Thị Ngọc Lâm

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0300-2013-152-1

Hà Nội, ngày 14 tháng 7 năm 2016

Kiểm toán viên



Trần Thị Mai

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2510-2013-152-1

Headquarters

29 Hoang Sa Str., Dist. 1, Hochiminh City
Tel: (84-08) 3910 4881 *Fax: (84-08) 3910 4880
Email: infohcm@aascn.com.vn Web: www.aascn.com.vn

Branch in Hanoi

No15, Alley 640, Lang Road, Dong Da Dist., Hanoi
Tel: (84-04) 3793 1428 *Fax: (84-04) 3793 1429
Email: admin@namviethn.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TIỀN THÀNH

Khu đô thị Việt Hưng, Phường Đức Giang, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		34.275.680.223	34.304.941.066
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		34.200.000.000	34.200.000.000
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.03	34.200.000.000	34.200.000.000
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220	V.05	39.120.369	64.322.872
1.	Tài sản cố định hữu hình	221		39.120.369	64.322.872
	- Nguyên giá	222		733.420.610	733.420.610
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(694.300.241)	(669.097.738)
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
1.	Nguyên giá	231		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		36.559.854	40.618.194
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.06	36.559.854	40.618.194
2.	Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		195.953.623.180	186.436.277.017

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TIỀN THÀNH

Khu đô thị Việt Hưng, Phường Đức Giang, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
 Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		44.234.687.994	53.274.911.752
I.	Nợ ngắn hạn	310		44.234.687.994	53.274.911.752
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.08	32.650.824.808	18.917.318.624
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.100.000.000	-
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.09	-	842.332.573
4.	Phải trả người lao động	314		-	-
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.10	8.483.863.186	8.515.260.555
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.07	-	25.000.000.000
11.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12.	Quý khen thưởng, phúc lợi	322		1.000.000.000	-
II.	Nợ dài hạn	330		-	-
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.11	151.718.935.186	133.161.365.265
I.	Vốn chủ sở hữu	410		151.718.935.186	133.161.365.265
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
	- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		100.000.000.000	100.000.000.000
	- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	411b		-	-
8.	Quy đầu tư phát triển	418		1.394.830.504	-
10.	Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		50.324.104.682	33.161.365.265
	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a		30.766.534.761	766.534.761
	<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>	421b		19.557.569.921	32.394.830.504
12.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		195.953.623.180	186.436.277.017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 14 tháng 7 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TIỀN THÀNH
 Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Kim Phương

Nguyễn Thị Kim Phương

Nguyễn Tuấn Anh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	59.450.629.050	46.020.795.000
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		59.450.629.050	46.020.795.000
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	34.284.006.973	17.666.261.256
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		25.166.622.077	28.354.533.744
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	172.999.542	4.581.290
7.	Chi phí tài chính	22	VI.04	486.111.111	1.664.260.381
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>486.111.111</i>	<i>1.585.644.445</i>
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.06	3.569.090.909	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.06	1.619.332.472	626.350.351
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		19.665.087.127	26.068.504.302
11.	Thu nhập khác	31		-	59.100
12.	Chi phí khác	32	VI.05	107.517.206	1.868.065.355
13.	Lợi nhuận khác	40		(107.517.206)	(1.868.006.255)
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		19.557.569.921	24.200.498.047
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		19.557.569.921	24.200.498.047
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.07	1.956	2.420
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.08	1.956	2.420

Hà Nội, ngày 14 tháng 7 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

phuong

phuong



hanau

Nguyễn Thị Kim Phượng

Nguyễn Thị Kim Phượng

Nguyễn Tuấn Anh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Lợi nhuận trước thuế	01		19.557.569.921	24.200.498.047
2.	Điều chỉnh cho các khoản				
-	Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		25.202.503	57.915.060
-	Các khoản dự phòng	03		-	-
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(167.688.347)	-
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(5.311.195)	(4.581.290)
-	Chi phí lãi vay	06		486.111.111	1.585.644.445
-	Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		19.895.883.993	25.839.476.262
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(1.130.303.748)	(95.961.864.180)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(40.019.471.510)	738.406.522
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		15.314.925.589	8.845.719.733
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		4.058.340	(1.156.062)
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
-	Tiền lãi vay đã trả	14		(624.000.000)	-
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(49.572.111)	-
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(6.608.479.447)	(60.539.417.725)
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
-	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		-	-
-	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	-
-	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(54.000.000.000)
-	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	120.000.000.000
-	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
-	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
-	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.311.195	4.581.290
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		5.311.195	66.004.581.290

3521
CH
ÔNG
I CH
/A K
NA
NH

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TIỀN THÀNH

Khu đô thị Việt Hưng, Phường Đức Giang, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(25.000.000.000)	-
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(25.000.000.000)	-
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(31.603.168.252)	5.465.163.565
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		50.109.429.330	1.400.922.606
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		18.506.261.078	6.866.086.171

Người lập biểu

phuong

Nguyễn Thị Kim Phượng

Kế toán trưởng

phuong

Nguyễn Thị Kim Phượng

Hà Nội, ngày 14 tháng 7 năm 2016

Tổng Giám đốc



Thuan Anh

Nguyễn Tuấn Anh

5884
NH
TY
VU T
NH
IEM
MV
PHO

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là cung cấp dịch vụ, kinh doanh thương mại.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 bao gồm:

- Sản xuất và gia công hàng mã;
- Kinh doanh các sản phẩm của ngành thời trang, vật liệu xây dựng.

04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

05. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/6/2016 có thể so sánh được với số liệu tương ứng cùng kỳ năm 2015.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

001
ẢNH
TINH
Ứ VỊ
KẾ T
TOÁ
IỆT
HÀ

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TIẾN THÀNH

Khu đô thị Việt Hưng, Phường Đức Giang, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:

- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

02. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

03. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

04. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

05. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- | | |
|-----------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 03 - 06 năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 năm |

06. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

07. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

08. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

09. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TIỀN THÀNH

Khu đô thị Việt Hưng, Phường Đức Giang, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

10. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong năm.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Công ty đang áp dụng miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp do là cơ sở kinh doanh sử dụng từ 30% trở lên tổng số lao động là người khuyết tật (trừ hoạt động tài chính và hoạt động chuyển nhượng bất động sản).

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

01. Tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	3.929.599.215	85.483.049
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	14.576.661.863	50.023.946.281
Cộng	<u>18.506.261.078</u>	<u>50.109.429.330</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TIẾN THÀNH

Khu đô thị Việt Hưng, Phường Đức Giang, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

02. Phải thu của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	29.945.576.255	49.913.338.285
- Công ty Cổ phần Đông Thiên Phú miền Nam	21.346.820.855	8.443.055.250
- Công ty TNHH Tiếp Thị Việt	8.598.755.400	5.564.785.000
- Công ty TNHH Đầu tư và PT Minh Văn Anh	-	18.330.343.020
- Công ty Cổ phần Thương mại và sản xuất Lập Phương Thành	-	17.575.155.015
b. Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	29.945.576.255	49.913.338.285
c. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	21.346.820.855	8.443.055.250
- Công ty Cổ phần Đông Thiên Phú miền Nam	21.346.820.855	8.443.055.250
Cộng	21.346.820.855	8.443.055.250

03. Phải thu khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	42.634.441.268	-	40.801.587.965	-
- Tạm ứng	1.834.441.268	-	-	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	40.800.000.000	-	40.800.000.000	-
- Phải thu khác	-	-	1.587.965	-
b. Dài hạn	34.200.000.000	-	34.200.000.000	-
- Phải thu khác	34.200.000.000	-	34.200.000.000	-
+ Công ty Cổ phần EMJ Hà Nam (*)	34.200.000.000	-	34.200.000.000	-
Cộng	76.834.441.268	-	75.001.587.965	-

(*) Là khoản phải thu về hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần EMJ Hà Nam để xây dựng dây chuyền sản xuất rượu công suất 1,95 triệu lít /năm tại khu công nghiệp Kim Bình, TP Phủ Lý, tỉnh Hà Nam và phát triển thương hiệu rượu Vodka EMJ. Tỷ lệ góp vốn là 67%. Thời gian hợp tác từ ngày 03/01/2015 đến hết ngày 05/5/2054. Lợi nhuận phân chia theo tỷ lệ góp vốn.

04. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	162.777.140	-	175.298.369	-
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.614.518.467	-	2.611.085.467	-
- Hàng hoá	48.218.816.084	-	8.190.256.345	-
Cộng	50.996.111.691	-	10.976.640.181	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TIẾN THÀNH

Khu đô thị Việt Hưng, Phường Đức Giang, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

05. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
I. Nguyên giá				
<i>Số dư đầu năm</i>	389.963.585	112.300.000	231.157.025	733.420.610
- Mua trong kỳ	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	389.963.585	112.300.000	231.157.025	733.420.610
II. Giá trị hao mòn lũy kế				
<i>Số dư đầu năm</i>	389.963.585	112.300.000	166.834.153	669.097.738
- Khấu hao trong kỳ	-	-	25.202.503	25.202.503
- Tăng khác	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	389.963.585	112.300.000	192.036.656	694.300.241
III. Giá trị còn lại				
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	-	-	64.322.872	64.322.872
<i>2. Tại ngày cuối kỳ</i>	-	-	39.120.369	39.120.369

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng 683.420.610 đồng.

06. Chi phí trả trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>a. Ngắn hạn</i>	-	-
<i>b. Dài hạn</i>	36.559.854	40.618.194
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	36.559.854	40.618.194
Cộng	36.559.854	40.618.194

1388
H N H
G T Y
V U
H I N H
K I E N
A M T
P H C

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TIẾN THÀNH

Khu đô thị Việt Hưng, Phường Đức Giang, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Vay và nợ thuê tài chính

	Số đầu năm		Trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn	25.000.000.000	25.000.000.000	-	25.000.000.000	-	-
- Vay ngân hàng	25.000.000.000	25.000.000.000	-	25.000.000.000	-	-
+ Vay ngân hàng TMCP đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Hà Nội	25.000.000.000	25.000.000.000	-	25.000.000.000	-	-
b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	-	-	-	-	-
Cộng	25.000.000.000	25.000.000.000	-	25.000.000.000	-	-

08. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Phải trả người bán ngắn hạn	32.650.824.808	32.650.824.808	18.917.318.624	18.917.318.624
- ACTIVE CREATION APPRAREL SDN.BHD	28.689.698.200	28.689.698.200	17.613.867.304	17.613.867.304
- SAS TEXTILE CORPORATION (1995) CO.,LTD	2.450.769.488	2.450.769.488	-	-
- Phải trả ngắn hạn khác	1.510.357.120	1.510.357.120	1.303.451.320	1.303.451.320
b. Phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Cộng	32.650.824.808	32.650.824.808	18.917.318.624	18.917.318.624

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TIỀN THÀNH

Khu đô thị Việt Hưng, Phường Đức Giang, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

09. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
- Thuế GTGT đầu ra	-	788.042.280	1.929.947.803	2.717.990.083	-	-
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	244.514.472	-	244.514.472	-	-	-
- Thuế xuất nhập khẩu	35.825.718	-	175.610.433	177.449.911	37.665.196	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	49.572.111	-	49.572.111	-	-
- Thuế thu nhập cá nhân	-	4.718.182	-	4.718.182	-	-
- Phí, lệ phí và các khoản khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Cộng	280.340.190	842.332.573	2.353.072.708	2.952.730.287	37.665.196	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TIẾN THÀNH

Khu đô thị Việt Hưng, Phường Đức Giang, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

10. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	8.483.863.186	8.515.260.555
- Kinh phí công đoàn	13.929.300	-
- Bảo hiểm xã hội	92.562.220	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	8.377.371.666	8.515.260.555
+ <i>Lãi vay phải trả</i>	8.377.371.666	8.515.260.555
b. Dài hạn	-	-
Cộng	8.483.863.186	8.515.260.555

11. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	100.000.000.000	-	766.534.761	100.766.534.761
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	32.394.830.504	32.394.830.504
Tăng khác	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	100.000.000.000	-	33.161.365.265	133.161.365.265
Số dư đầu năm nay	100.000.000.000	-	33.161.365.265	133.161.365.265
Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-
Lãi trong kỳ này	-	-	19.557.569.921	19.557.569.921
Tăng khác	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	1.394.830.504	(2.394.830.504)	(1.000.000.000)
Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ này	100.000.000.000	1.394.830.504	50.324.104.682	151.718.935.186

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TIẾN THÀNH

Khu đô thị Việt Hưng, Phường Đức Giang, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Ông Nguyễn Hữu Trường	21.000.000.000	21	-	-
Công ty cổ phần Đầu tư Sơn Phú	19.000.000.000	19	-	-
Ông Nguyễn Đăng Khoa	-	-	62.000.000.000	62
Bà Đào Vũ Thịnh Vân	3.200.000.000	3	35.000.000.000	35
Bà Nguyễn Thị Thúy	-	-	3.000.000.000	3
Vốn góp của cổ đông khác	56.800.000.000	57	-	-
Cộng	100.000.000.000	100	100.000.000.000	100

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	100.000.000.000	100.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	100.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	12.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.000.000	10.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.000.000	10.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

e. Cổ tức

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 số 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 3 năm 2016, Công ty trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ là 30%, tương đương 30.000.000.000 đồng. Đối tượng phát hành là các cổ đông hiện hữu theo danh sách tại ngày đăng ký cuối cùng được hưởng quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu. Thời gian dự kiến phát hành trong quý III - quý IV năm 2016.

f. Các quỹ của Công ty

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển	1.394.830.504	-
Cộng	1.394.830.504	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TIỀN THÀNH

Khu đô thị Việt Hưng, Phường Đức Giang, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
- Doanh thu bán hàng hóa	59.447.329.050	46.019.295.000
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.300.000	1.500.000
Cộng	59.450.629.050	46.020.795.000

Doanh thu đối với các bên liên quan

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
- Công ty CP Đông Thiên Phú miền Nam	26.618.528.050	17.693.350.000

02. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	34.011.033.373	17.345.625.404
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	272.973.600	320.635.852
Cộng	34.284.006.973	17.666.261.256

03. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.311.195	4.581.290
- Lãi chênh lệch tỷ giá	167.688.347	-
Cộng	172.999.542	4.581.290

04. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
- Lãi tiền vay	486.111.111	1.585.644.445
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	78.615.936
Cộng	486.111.111	1.664.260.381

05. Chi phí khác

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
- Các khoản tổn thất xử lý	12.521.149	1.867.271.039
- Các khoản bị phạt chậm nộp	93.076.057	-
- Các khoản khác	1.920.000	794.316
Cộng	107.517.206	1.868.065.355

052
C
CỘ
HCH
V C
VÀ
N.
INH

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TIẾN THÀNH

Khu đô thị Việt Hưng, Phường Đức Giang, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

06. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh	1.619.332.472	626.350.351
- Chi phí nhân viên quản lý	1.322.266.958	426.290.763
- Chi phí vật liệu quản lý	-	-
- Chi phí đồ dùng văn phòng	14.324.422	2.662.120
- Chi phí khấu hao TSCĐ	25.202.503	57.915.060
- Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	245.009.501	136.482.408
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	9.529.088	-
b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh	3.569.090.909	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.569.090.909	-
c. Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-
Cộng	5.188.423.381	626.350.351

07. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	19.557.569.921	24.200.498.047
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	19.557.569.921	24.200.498.047
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	10.000.000	10.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.956	2.420

138
HI N
IG T
I VL
HINI
KIẾ
AM
PT

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TIẾN THÀNH

Khu đô thị Việt Hưng, Phường Đức Giang, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

08. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	19.557.569.921	24.200.498.047
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	19.557.569.921	24.200.498.047
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	10.000.000	10.000.000
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.956	2.420

09. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	-
- Chi phí nhân công	1.595.240.558	746.926.615
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	25.202.503	57.915.060
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.814.100.410	136.482.408
- Chi phí khác bằng tiền	26.853.510	5.662.120
Cộng	5.461.396.981	946.986.203

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Không có thông tin.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2016 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

02. Giao dịch với các bên liên quan**Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: Các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TIẾN THÀNH

Khu đô thị Việt Hưng, Phường Đức Giang, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<u>Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016</u>	<u>Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015</u>
Hội đồng quản trị		
- Cho vay ngắn hạn	-	54.000.000.000
- Thu lại tiền cho vay	-	120.000.000.000
Ban điều hành		
- Tạm ứng	30.400.000.000	5.000.000.000
- Hoàn tiền tạm ứng	30.000.000.000	-

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ban điều hành		
- Tạm ứng	400.000.000	-
Cộng nợ phải thu	<u>400.000.000</u>	<u>-</u>

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016</u>	<u>Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015</u>
Tiền lương, thưởng, phụ cấp	116.760.000	77.812.500
Cộng	<u>116.760.000</u>	<u>77.812.500</u>

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty CP Đông Thiên Phú miền Nam	Ông Nguyễn Hữu Trường là chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thương mại và dịch vụ Tiến Thành, đồng thời là Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Đông Thiên Phú miền Nam

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan được trình bày theo thuyết minh số VI.01. Ngoài ra, không có giao dịch nào khác phát sinh.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan được trình bày theo thuyết minh V.02.

03. Thông tin về bộ phận**Lĩnh vực kinh doanh:**

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực thương mại: Kinh doanh các sản phẩm của ngành thời trang, vật liệu xây dựng.
- Lĩnh vực dịch vụ: Gia công hàng mã.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TIẾN THÀNH

Khu đô thị Việt Hưng, Phường Đức Giang, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<u>Thương mại</u>	<u>Dịch vụ</u>	<u>Cộng</u>
Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016			
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	59.447.329.050	3.300.000	59.450.629.050
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-
- Chi phí phân bổ	39.512.478.437	273.063.486	39.785.541.923
Lợi nhuận từ hoạt động KD	19.934.850.613	(269.763.486)	19.665.087.127
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	-	-	-
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	37.049.696	2.057	37.051.753
Số dư tại ngày 30/6/2016			
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	102.447.362.102	-	102.447.362.102
- Tài sản không phân bổ	-	-	93.506.261.078
Tổng tài sản	102.447.362.102	-	195.953.623.180
- Nợ phải trả bộ phận	43.234.687.994	-	43.234.687.994
- Nợ phải trả không phân bổ	-	-	1.000.000.000
Tổng nợ phải trả	43.234.687.994	-	44.234.687.994
Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015			
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	46.019.295.000	1.500.000	46.020.795.000
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-
- Chi phí phân bổ	19.631.634.431	320.656.267	19.952.290.698
Lợi nhuận từ hoạt động KD	26.387.660.569	(319.156.267)	26.068.504.302
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	-	-	-
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	60.575.206	1.974	60.577.180
Số dư tại ngày 30/6/2015			
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	131.042.343.849	-	131.042.343.849
- Tài sản không phân bổ	-	-	41.066.086.171
Tổng tài sản	131.042.343.849	-	172.108.430.020
- Nợ phải trả bộ phận	47.141.397.212	-	47.141.397.212
- Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-
Tổng nợ phải trả	47.141.397.212	-	47.141.397.212

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TIẾN THÀNH

Khu đô thị Việt Hưng, Phường Đức Giang, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

04. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.506.261.078	-	50.109.429.330	-	18.506.261.078	50.109.429.330
Phải thu khách hàng và phải thu khác	64.145.576.255	-	84.114.926.250	-	64.145.576.255	84.114.926.250
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	-	-	-
Cộng	82.651.837.333	-	134.224.355.580	-	82.651.837.333	134.224.355.580
	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý			
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm		
Nợ phải trả tài chính						
Phải trả cho người bán	32.650.824.808	18.917.318.624	32.650.824.808	18.917.318.624		
Vay và nợ	-	25.000.000.000	-	25.000.000.000		
Chi phí phải trả	-	-	-	-		
Các khoản phải trả khác	8.377.371.666	8.515.260.555	8.377.371.666	8.515.260.555		
Cộng	41.028.196.474	52.432.579.179	41.028.196.474	52.432.579.179		

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TIỀN THÀNH

Khu đô thị Việt Hưng, Phường Đức Giang, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

05. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

06. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

Đơn vị tính: VND

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối kỳ				
Phải trả cho người bán	32.650.824.808	-	-	32.650.824.808
Vay và nợ	-	-	-	-
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	8.377.371.666	-	-	8.377.371.666
Cộng	41.028.196.474	-	-	41.028.196.474
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	18.917.318.624	-	-	18.917.318.624
Vay và nợ	25.000.000.000	-	-	25.000.000.000
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	8.515.260.555	-	-	8.515.260.555
Cộng	52.432.579.179	-	-	52.432.579.179

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TIỀN THÀNH

Khu đô thị Việt Hưng, Phường Đức Giang, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

07. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 2 loại: Rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

08. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt và Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 chưa được soát xét bởi một tổ chức kiểm toán độc lập.

09. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu



Nguyễn Thị Kim Phượng

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Kim Phượng

Hà Nội, ngày 14 tháng 7 năm 2016



Nguyễn Tuấn Anh